TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN YÊN** **TỈNH BẮC GIANG** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 6 năm 2019
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:** Ông: Nguyễn Ánh Dương

*** Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu - Cán bộ nghỉ hưu tại xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên.

2. Ông Trần Văn Thiện - Cán bộ nghỉ hưu tại thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên.

*** Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên.

*** Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Không.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2019 (Ấn định thời gian mở lại phiên tòa) giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* Bị đơn: Anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Đều cư trú: Phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 08/5/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Hải Y trình bày:

Chị và anh Nguyễn Anh Đ kết hôn ngày 31/3/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới thì vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh Đ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 5/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ không đi làm ăn, chỉ ở nhà, đánh chửi và đuổi chị ra khỏi nhà. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2018 đến nay, không còn quan

tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 21/10/2014. Khi ly hôn, chị không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian chung sống, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ghi ngày 15/5/2019, bị đơn là anh Nguyễn Anh Đ trình bày:

Anh và chị Trần Thị Hải Y kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn vợ chồng anh được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới thì chị Y về gia đình anh làm dâu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày. Đến tháng 5/2018 thì chị Y tự ý bỏ nhà đi, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Nay anh nhận thấy chị Y không còn tình cảm với anh, tuy nhiên anh vẫn còn tình cảm với chị Y. Nay chị Y xin ly hôn, anh vẫn có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ. Nếu chị Y kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Y có 01 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 21/10/2014. Anh không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian chung sống, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Anh Đ gồm:

Ngày 17/5/2019 tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 153/TB-TLVA ngày 15/5/2019 cho anh Đ.

Ngày 20/5/2019 tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 153/TB-TA ngày 20/5/2019 cho anh Đ.

Ngày 21/5/2019 tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2019 và giấy triệu tập phiên tòa cho anh Đ.

Ngày 10/6/2019 tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2019 cho anh Đ.

Anh Nguyễn Anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ không có mặt để làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà anh Đ là bị đơn.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí nhưng các đương sự không thống nhất thỏa thuận được.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến về việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh Nguyễn Anh Đ nhưng anh Đ vắng mặt. Ngày 10/6/2019 chị Trần Thị Hải Y có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 01, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Trần Thị Hải Y và anh Nguyễn Anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh B, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế gia đình dẫn đến vãi vã, chửi mắng nhau, vợ chồng anh chị không quan tâm đến nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị Y, anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị Trần Thị Hải Y được ly hôn anh Nguyễn Anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Y, anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 21/10/2014. Do chị Y, anh Đ đều không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Chị Trần Thị Hải Y và anh Nguyễn Anh Đ không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Hải Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51; Điều 56; Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1, Điều 28; khoản 4, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 01, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hải Y được ly hôn anh Nguyễn Anh Đ.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Hải Y và anh Nguyễn Anh Đ không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Chị Trần Thị Hải Y và anh Nguyễn Anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết

4. Án phí: Chị Trần Thị Hải Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0005751 ngày 15/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; chị Trần Thị Hải Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương